

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2021/HNGĐ-PT
Ngày: 27- 01-2021
V/v tranh chấp: “Ly hôn, nuôi con
chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Ngọc Tuyền.

Các Thẩm phán: 1/ Bà Lưu Thị Thu Thủy;
2/ Bà Lê Thị Hồng Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Hữu Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Phan Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 95/2020/TLPT-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung”.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 221/2020/HNST ngày 23 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 653/2020/QĐ-PT ngày 15 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Th**, sinh năm 1989. (có mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

* Bị đơn: Anh **Mai Văn Tr**, sinh năm 1989. (có mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người kháng cáo: Bị đơn Mai Văn Tr.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

* Nguyên đơn chị Trần Thị Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Do tìm hiểu quen biết trước chị Th và anh Tr xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện C, Tiền Giang theo giấy đăng ký kết hôn số 58 ngày 15/6/2013. Sau khi cưới vợ chồng chung sống bên gia đình cha mẹ anh Tr, sống hạnh phúc năm 2017 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến, không hợp tính tình nên thường hay cãi vã.

Vợ chồng đã sống ly thân cắt đứt quan hệ vợ chồng từ tháng 01/2020 đến nay. Do cuộc sống vợ chồng sống không hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài không hàn gắn đoàn tụ lại được nên Th yêu cầu ly hôn với anh Tr.

Về con chung: Có 01 con chung tên Mai Quốc Đ, sinh ngày 06/9/2014, khi ly hôn chị Th yêu cầu nuôi dưỡng chăm sóc con chung, không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Mai Văn Tr trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian kết hôn, có đăng ký kết hôn như chị Th trình bày là đúng. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 5/2020 do cha mẹ vợ yêu cầu chị Th về nhà ở huyện P, tỉnh Cà Mau rồi không về chung sống cho đến nay, chứ trong thời gian chung sống vợ chồng cũng không có mâu thuẫn gì trầm trọng. Vợ chồng đã sống ly thân từ thời gian đó đến nay. Nay anh Tr đồng ý ly hôn với chị Th.

Về con chung: Có 01 con chung tên Mai Quốc Đ, sinh ngày 06/9/2014, hiện do ông bà nội chăm sóc nuôi dưỡng, khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi dưỡng chăm sóc con chung, không yêu cầu chị Th phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản án sơ thẩm số 221/2020/HNST ngày 23/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị Th được ly hôn với anh Mai Văn Tr.

2. Về con chung: Giao con chung tên Mai Quốc Đ, sinh ngày 06/9/2014 cho chị Trần Thị Th chăm sóc nuôi dưỡng, anh Tr không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Th không có yêu cầu. Anh Mai Văn Tr được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của đương sự theo qui định của pháp luật.

* Ngày 02/11/2020 bị đơn Mai Văn Tr có đơn kháng cáo yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Mai Quốc Đ, sinh ngày 06/9/2014.

Tại phiên tòa phúc thẩm: nguyên đơn chị Trần Thị Th vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn anh Mai Văn Tr vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, hai bên đương sự không thỏa thuận được với nhau việc giải quyết vụ án.

Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: hiện nay cháu Đ đang sống ổn định với anh Tr, để không làm xáo trộn môi trường sống của cháu Đ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Tr, sửa một phần bản án sơ thẩm, giao cháu Đ cho anh Tr nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: nguyên đơn chị Trần Thị Th khởi kiện yêu cầu xin ly hôn và nuôi dưỡng con chung với bị đơn anh Mai Văn Tr. Án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp xin ly hôn, nuôi dưỡng con chung đúng theo quy định tại các Điều 51 và Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về thủ tục tố tụng: án sơ thẩm thụ lý giải quyết tranh chấp giữa nguyên đơn chị Trần Thị Th khởi kiện bị đơn anh Mai Văn Tr là đúng trình tự thủ tục quy định tại Điều 28, 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Đơn kháng cáo của anh Mai Văn Tr đúng quy định tại Điều 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung kháng cáo: bị đơn Mai Văn Tr có đơn kháng cáo yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Mai Quốc Đ, sinh ngày 06/9/2014.

Xét yêu cầu kháng: chị Th và anh Tr thống nhất vợ chồng có 01 con chung tên Mai Quốc Đ, sinh ngày 06/9/2014, khi ly hôn chị Th và anh Tr đều yêu cầu được chăm sóc nuôi dưỡng con chung.

Xét điều kiện về kinh tế để nuôi dưỡng cháu Đ giữa chị Th và anh Tr đều có đủ điều kiện. Tuy nhiên, khi chị Th và anh Tr ly hôn, cháu Đ chỉ phải sống với mẹ hoặc cha đã là sự thiệt thòi cho cháu, do đó việc xem xét giao con chưa thành niên cho ai nuôi dưỡng phải đảm bảo tốt về mọi mặt, điều kiện phát triển cho con chung.

Tại Điều 69 luật hôn nhân và gia đình quy định quyền và nghĩa vụ của cha mẹ: “Thương yêu con, tôn trọng ý kiến của con; chăm lo việc học tập, giáo dục để con phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức, trở thành người con hiếu thảo của gia đình, công dân có ích cho xã hội. 2. Trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên, con đã thành

niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình”. Cha mẹ người được giao trực tiếp nuôi dưỡng con chung là phải trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên. Tại biên bản hòa giải ngày 14/9/2020 của anh Tr cũng xác định anh yêu cầu nuôi cháu Đ nhưng anh gửi con chung cho ông bà nội chăm sóc nuôi dưỡng dùm khoảng 02 tuần anh mới về thăm con một lần, anh không thể trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung do hiện tại anh đang đi làm ở tỉnh Bình Dương. Tại phiên tòa phúc thẩm anh Tr trình bày do trước đây khi chị Th ly hôn anh buồn nên lên Bình Dương làm công nhân, nay anh về quê đang học nghề lái xe. Anh Tr hiện nay công việc không ổn định, lúc làm công nhân, hiện nay thì nghỉ làm đi học nghề lái xe, vẫn chưa có công việc gì ổn định, còn chị Th hiện nay làm tại Công ty TNHH Cường Thịnh gần nhà, công việc làm giờ hành chính. Chị Th yêu cầu giao cho chị nuôi dưỡng chị sẽ trực tiếp chăm sóc cho cháu. Từ khi chị Th và anh Tr sống ly thân từ tháng 01/2020 con chung do chị Th trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, nhưng từ tháng 5/2020 thì chị Th gửi cháu Đ về cho ông bà nội chăm sóc dùm do chị đang đi tìm việc làm, nhưng sau khi có công việc làm ổn định thì chị Th về rước con nhưng gia đình anh Tr không cho thăm nom và rước, theo xác nhận ngày 03/9/2020 của Ban lãnh đạo ấp H, xã A, huyện C, Tiền Giang cũng xác định khi chị Th thăm con và rước con nhưng gia đình anh Tr ngăn cản không cho.

Ngoài ra theo xác nhận ngày 08/9/2020 của Ban lãnh đạo ấp H, xã A, huyện C, Tiền Giang xác định chị Th có đủ điều kiện chăm sóc con tốt hơn so với anh Tr. Do đó, để đảm bảo cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung được tốt, án sơ thẩm giao cháu Đ cho chị Th chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Anh Tr kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình.

Các phần khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên đã phát sinh hiệu lực kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Các phần khác của án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị nên phát sinh hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

[6] Ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang không phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[7] Về án phí: anh Tr chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 147, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử: không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh Mai Văn Tr.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 221/2020/HNST ngày 23/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị Th được ly hôn với anh Mai Văn Tr.

2. Về con chung: Giao con chung tên Mai Quốc Đ, sinh ngày 06/9/2014 cho chị Trần Thị Th chăm sóc nuôi dưỡng, anh Tr không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Th không có yêu cầu. Anh Mai Văn Tr được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Trần Thị Th phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003915 ngày 24/8/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang, nên xem như chị Th đã nộp xong án phí.

Anh Mai Văn Tr phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm anh Tr đã nộp theo biên lai thu số 0004296 ngày 02/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND huyện C;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Chi cục THADS h.C;
- Đương sự;
- UBND xã A, h.C;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHN TÒA**

Lâm Ngọc Tuyền